

Tập	
Mới	Ctrl+N / ⌘N Ctrl+T / ⌘T
Mới từ mẫu	Ctrl+Shift+N / ⇧⌘N
Mở...	Ctrl+O / ⌘O
Nhập...	Ctrl+Shift+I / ⇧⌘I
Hoàn nguyên	Ctrl+R / ⌘R
Hiện trong Explorer / Finder / Trình quản lý tệp	
Lưu	Ctrl+S / ⌘S
Lưu thành	Ctrl+Shift+S / ⇧⌘S
Đóng	Ctrl+W / ⌘W
Xuất ảnh bitmap...	XB
Xuất SVG nhanh...	XS
Xuất PDF...	XD
Xem trước in	Ctrl+Shift+P / ⇧⌘P
In...	Ctrl+P / ⌘P
In khung nhìn hiện tại...	Ctrl+Alt+P / ⌘⌥P
In cửa sổ...	Ctrl+Alt+Shift+P / ⌘⌥⇧P
Quit	Ctrl+Q / ⌘Q
Chỉnh sửa	
Hoàn tác	Ctrl+Z / ⌘Z OO
Làm lại	Ctrl+Shift+Z / ⇧⌘Z UU
Xóa	Del / ⌫ Backspace / ⌫ ER
Cắt	Ctrl+X / ⌘X
Cắt với điểm tham chiếu	Ctrl+Shift+X / ⇧⌘X RT
Sao chép	Ctrl+C / ⌘C CP
Sao chép với điểm tham chiếu	Ctrl+Shift+C / ⇧⌘C RC
Dán	Ctrl+V / ⌘V PS
Dán dọc theo đối tượng	Ctrl+Shift+V / ⇧⌘V PE
Nhân bản	DP
Hiệu chỉnh nhanh	
Chuyển sang trái	←

Chỉnh sửa	
Hiệu chỉnh nhanh	
Chuyển sang phải	→
Chuyển lên	↑
Chuyển xuống	↓
Xoay ngược chiều kim đồng hồ	F5
Xoay theo chiều kim đồng hồ	F6
Tìm/Thay thế...	Ctrl+F / ⌘F RP
Thay thế phông...	FF
Tỷ lệ chiều cao văn bản...	MG
Chuyển đổi đơn vị bản vẽ	CU
Nhấp trái	Ctrl+Return / ⌘↵
Thoát	Esc / ⌫
Đặt lại / Nghỉ	QQ
Tùy chọn bản vẽ...	Ctrl+I / ⌘I
Tùy chọn ứng dụng...	Ctrl+, / ⌘,
Xem	
Chế độ phác thảo	DF
Kiểu nét theo màn hình	NL
Khử răng cưa	NT
Lưới	GR
Thu phóng	
Phóng to	+ = Ctrl++ / ⌘+
Thu nhỏ	- Ctrl+- / ⌘-
Thu phóng tự động	ZA
Thu phóng đến vùng chọn	ZS
Khung nhìn trước	ZV
Thu phóng theo cửa sổ	ZW
Lia và thu phóng	ZP
Lớp phủ	
Hướng	VD
Thứ tự	VO
Điểm đầu	VS
Khung nhìn đã lưu	
Thêm khung nhìn...	VA

Xem	
Khung nhìn đã lưu	
Gỡ khung nhìn	VR
Sửa khung nhìn...	VE
Chọn khung nhìn	VP
Tắt lưới đẳng cự	JO
Phép chiếu trên	JT
Phép chiếu phải	JR
Phép chiếu trái	JL
Danh sách lớp	GY
Danh sách khối	GB
Danh sách khung nhìn	GV
Trình sửa thuộc tính	GP
Bộ lọc vùng chọn	GF
Trình duyệt thư viện	GL
Dòng lệnh	GM
Hiện thị bảng tạm	GC
Thanh trạng thái	GS
Thẻ bố cục	GT
Chuyển tiêu điểm sang dòng lệnh	Space Ctrl+M / ⌘M
Chuyển tiêu điểm sang thanh tùy chọn	Ctrl+. / ⌘.
Chuyển tiêu điểm sang ma trận công cụ	Ctrl+Shift+. / ⌘⇧.
Hiện thị khoảng cách/góc	F8
Chọn	
Bỏ chọn tất cả	TN Ctrl+K / ⌘K Ctrl+D / ⌘D Ctrl+Shift+A / ⇧⌘A
Chọn tất cả	TA Ctrl+A / ⌘A
Chọn khung nhìn	TV
Đảo vùng chọn	TI
(Bỏ) chọn vùng chữ nhật	TR TW
(Bỏ) chọn đa giác	TP
(Bỏ) chọn đường viền	TC
(Bỏ) chọn đối tượng bị cắt qua	TX
(Bỏ) chọn lớp	TL

Vẽ	
Điểm	
+ Điểm đơn	PO
++ điểm trên đường	PN
+++ MxN điểm	PM
Đường thẳng	
Đường từ 2 điểm	LI
Đường từ góc	LA
Đường ngang	LH
Đường dọc	LV
Đường phân giác	LB
Song song (với khoảng cách)	LP PA
Song song (qua điểm)	LG
Tiếp tuyến (điểm, đường tròn)	LT1
Tiếp tuyến (hai đường tròn)	LT2
Trục giao / Tiếp tuyến	LN
Góc tương đối	LR
Trục giao	LO
Đường vẽ tay	LF
Cung tròn	
Tâm, điểm, góc	AR
điểm và bán kính	AD
điểm và góc	A2
điểm và chiều dài	AL
2 điểm và chiều cao	AH
điểm	A3
Đồng tâm (với khoảng cách)	AC
Đồng tâm (qua điểm)	AG
Nối tiếp tuyến	AN
Tiếp tuyến, điểm, bán kính	AT
Đường tròn	
Tâm, điểm	CI
Tâm, bán kính	CR
Tâm, đường kính	CA
điểm và bán kính	CD
điểm	C2
điểm	C3
Đồng tâm (với khoảng cách)	CC

Vẽ		
Đường tròn		
	Đồng tâm (qua điểm)	CG
	Tiếp tuyến và 2 điểm	CT1
	Tiếp tuyến, điểm, bán kính	CTP
	2 tiếp tuyến và điểm	CT2
	2 tiếp tuyến và bán kính	CTR
	3 tiếp tuyến	CT3
Elip		
	Elip (tâm, điểm, tỷ số)	EP
	Cung elip	EA
	Elip với bán kính	EI
	Elip với đường kính	ED
	Đường cong song song (với khoảng cách)	EC
	Đường cong song song (qua điểm)	EG
	Nội tiếp trong tứ giác	EQ
Spline		
	Spline (điểm điều khiển)	SP
	Spline (điểm khớp)	SL
	Chèn điểm khớp	NI
	Nối thêm điểm khớp	NA
	Gỡ điểm khớp	NR
	Đơn giản hóa	NP
Đa tuyến		
	Vẽ đa tuyến	PL
	Đa tuyến từ các đoạn	OG
	Đa tuyến từ vùng chọn	OC
	Đa tuyến một phần dọc theo vùng chọn	OL
	Chèn nút	OA
		OI
	Nối thêm nút	OP
	Xóa nút	OD
	Gỡ các nút giữa hai nút	OB
	Cắt xén đoạn	OT
	Đặt lại điểm đầu	OR
	Đổi loại đoạn	OX
	Offset	OQ
	Biến hình	OM
	Phép toán Boolean	OW
	Đơn giản hóa	OS
	Chuẩn hóa đa tuyến	ON
	Chèn nút tại điểm tự giao	OV
	Đóng logic đa tuyến	OE

Vẽ		
Đa tuyến		
	Mở logic đa tuyến	OJ
Hình		
	Hình chữ nhật	RE
	Hình chữ nhật với kích thước	RS
	Hình chữ nhật (3 điểm)	R3
	Đa giác (tâm, góc)	PG1
		HC
	Đa giác (2 điểm của cạnh)	PG2
		HP
	Đa giác (tâm, cạnh)	PG3
	Đa giác (cạnh, cạnh)	PG4
	Sao	PT
Mặt cắt		
	Tự động mặt cắt	HT
	Mặt cắt từ vùng chọn...	HA
	Mặt cắt từ các đoạn...	HS
	Gộp mặt cắt	HM
Khung nhìn		
	Thêm khung nhìn	VT
	Quản lý các lớp khung nhìn...	VY
	Vành khuyên	RI
	Xóa nền (Wipeout)	WP
	Vấn bản...	TE
	Chèn ảnh bitmap...	IM
Kích thước		
	Song song	DA
	Xoay (tuyến tính)	DL
	Ngang	DH
	Dọc	DV
	Đường cơ sở	DB
	Tiếp tục	DC
	Tọa độ (X/Y)	DO
	Đường dẫn	DE
		LD
	Mốc chuẩn	DT
	Dung sai...	TO
	Bán kính	DR
	Đường kính	DD
	Góc	DN
	Chiều dài cung	DG
	Đặt lại vị trí nhãn	DS

Kích thước		
	Gỡ ghi đề kiểu	DX
Hiệu chỉnh		
Biến đổi		
	Di chuyển / Sao chép	MV
	Xoay	RO
	Tỷ lệ	SZ
	Đối xứng	MI
	Lật ngang	FH
	Lật dọc	FV
	Di chuyển và xoay	MR
	Xoay hai	R2
	Căn các điểm tham chiếu	AE
	Căn chỉnh	MA
Offset		
	Offset (với khoảng cách)	OF
	Offset (qua điểm)	OH
Cắt xén và chia		
	Cắt xén	RM
		XT
	Cắt xén cả hai	TM
	Kéo dài / Rút ngắn	LE
	Kéo giãn	SS
	Cắt theo hình chữ nhật	CLR
	Chia	DI
	Tách đối tượng	MS
	Ngắt đoạn	D2
	Ngắt thủ công	B2
	Tự động cắt xén	AX
	Ngắt khoảng hở	D3
Góc		
	Vát góc / Vát mép	CH
	Bo tròn	RN
	Đào chiều	RV
Đối tượng		
	Sửa văn bản	MT
	Sửa dung sai	ML
	Sửa mặt cắt	MH
	Phá vỡ	XP
Thứ tự vẽ		
	Đưa lên trước	MF
	Đưa xuống dưới cùng	MB

Hiệu chỉnh		
Thứ tự vẽ		
	Sắp xếp lại	MO
	Sắp thứ tự các đối tượng được nối	MC
Phát hiện		
	Phát hiện bản trùng	MD
	Phát hiện đối tượng có độ dài bằng 0	MZ
Phép chiếu		
	Phép chiếu trực giao (trụ)	PR
	Phép chiếu đẳng cự	PJ
	Phép chiếu đẳng cự (trụ)	PC
	Biến đổi ma trận	MX
	Cọ thuộc tính	PI
Bắt điểm		
	+ Tự do	SF
	Lưới	SG
	Điểm cuối	SE
	Trên đối tượng	ST
	Vuông góc	SU
	Tiếp tuyến	SB
	Tâm	SC
	Tham chiếu	SR
	Trung điểm	SM
	Trung điểm thủ công	SN
	Khoảng cách	SD
	Khoảng cách thủ công	SH
	Giao điểm	SI
	Giao điểm thủ công	SY
	Tự động	SA
	Tọa độ	SX
	Tọa độ cực	SO
	X/Y từ điểm	PX
	Y/X từ điểm	PY
	Điểm tham chiếu vùng chọn	SK
	+ Tất giới hạn	EN
	Giới hạn trực giao	EO
	Giới hạn theo chiều ngang	EH
	Giới hạn theo chiều dọc	EV
	Giới hạn góc hoặc chiều dài	EL
	Đặt gốc tương đối	RZ
	Khóa gốc tương đối	RL
	Khóa bắt điểm	SQ

Thông tin		
Vị trí	IO	
Vị trí tương đối	IV	
Vị trí cực	IL	
Vị trí cực tương đối	IT	
Khoảng cách điểm đến điểm	IP	
Khoảng cách đối tượng đến điểm	IE	
Khoảng cách đối tượng đến đối tượng	IN	
Góc	IA	
Tổng chiều dài vùng chọn	IS	
Diện tích đa giác	IR	
Diện tích cung/đường tròn/elip	IC	
Diện tích đa tuyến	II	

Lớp		
Bật/tắt hiển thị	YV	
Bật/tắt trạng thái đóng băng	YF	
Bật/tắt trạng thái khóa	YL	
Chỉ hiện mục đang hoạt động	YO	
Hiện tất cả lớp	YS	
Ẩn tất cả lớp	YH	
Rã đông tất cả lớp	YW	
Đóng băng tất cả lớp	YZ	
Khóa tất cả lớp	YK	
Mở khóa tất cả lớp	YN	
Thêm lớp...	YA	
Thêm lớp con...	YU	
Đặt lớp cha...	YX	
Tạo lớp từ vùng chọn...	YT	
Chuyển vùng chọn sang lớp hiện hành	YJ	
Nhân bản lớp...	YY	
Xóa lớp	YR	
Dọn các lớp không dùng	YP	
Sửa lớp...	YE	
Kích hoạt lớp của đối tượng	YB	
Chọn đối tượng của lớp	YC	
Bỏ chọn đối tượng của lớp	YD	

Trạng thái lớp	
Thêm...	YM

Khối		
Phá vỡ	XP	
Bật/tắt hiển thị	BV	
Hiện tất cả khối	BS	

Khối		
Ẩn tất cả khối	BH	
Thêm khối rỗng...	BA	
Tạo khối từ vùng chọn	BC	
Thêm khối bố cục...	BL	
Gỡ khối	BR	
Dọn các khối không dùng	BP	
Đổi tên khối...	BN	
Sửa khối	BE	
Sửa khối từ tham chiếu	BD	
Sửa khối tại chỗ	BB	
Nhân bản khối...	BY	
Quay lại bản vẽ chính	EM	
Chọn tham chiếu khối	BK	
Bỏ chọn tham chiếu khối	BX	
Chèn khối	BI	
Chèn tham chiếu ngoài...	XR	
Tạo mục thư viện	BT	

Thuộc tính	
Định nghĩa thuộc tính khối	UA
Đồng bộ thuộc tính	UY

Cửa sổ		
Đóng tất cả	Ctrl+Shift+W / ⌵ ⌘W	
Tiếp	Ctrl+Right / ⌵ →	
	Ctrl+PgUp / ⌵ ⇨	
Trước	Ctrl+Left / ⌵ ←	
	Ctrl+PgDown / ⌵ ⇧	
Toàn màn hình	Ctrl+Shift+F / ⌵ ⌘F	

Khác		
Nhập/Xuất		
Batch2Pdf các khối bố cục hiển thị	2PF	
Chọn		
Theo handle...	TH	
Theo màu	TF	
Chọn đối tượng tiếp theo	>	
Chọn đối tượng trước	<	
Lưu vùng chọn	TS	
Dùng vùng chọn	TU	

Vẽ		
Đường dựng hình ngang	XH	
Đường dựng hình dọc	XV	
Chữ thập đường tâm	CS	

Khác		
Vẽ		
Bộ đếm	C12	
Văn bản dọc theo đối tượng	TG	
Đường dẫn căn theo văn bản	2T	
Đường dẫn từ văn bản đã chọn	T2L	
Mộng hộp từ 2 điểm	LJ	
Ký hiệu ngắt đa tuyến từ 2 điểm	S3	
Vẽ làn FMS	PF	

Thông tin	
Lưu vị trí	TT
Dùng vị trí	TY

Phát triển	
Shell kịch bản	GE
Chạy kịch bản	XC

Ví dụ kịch bản	
Vẽ	
Ba điểm	P3
Toán học	
FlexPainter	FP

CAM		
Cấu hình CAM...	KK	
Xuất CAM	KX	
Hiển thị đường chạy dao	KV	
+ Thêm dao	KA	
Sửa dao	KE	
- Gỡ dao	KR	
Xuất dao	KO	
Nhập dao	KI	
Thêm đường chạy dao biên dạng	KP	
Thêm đường chạy dao hốc	KC	
Thêm đường chạy dao khoan	KL	
Sửa đường chạy dao	KD	
- Gỡ đường chạy dao	KM	
Thêm tab	KT	
Thêm phôi	KW	
Hiện danh sách dao CAM	GO	
Hiện danh sách đường chạy dao CAM	GA	
Hiện bảng mô phỏng	GI	

Trợ giúp	
Sổ tay tham khảo	Ctrl+? / ⌵ ?